TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2019.
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK-TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Công Đạt.

2. Ông Trương Quang Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà*:* Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019, về việc: *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (anh P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hoàng Thị V trình bày:

Chị V và anh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2009, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh Ph thời gian đầu, đến tháng 12/2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 6/2018 thì

mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị V và anh P đã không chung sống từ đó đến nay, mâu thuẫn chủ yếu do anh P không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vô cớ chửi bới đánh đập, xúc phạm nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P.

Về con chung: Chị V và anh P có 01 con chung là Hoàng Minh Ph, sinh ngày 25/11/2011 (con mang họ mẹ), chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Xuân P trình bày:

Anh P và chị V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2009 tại Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến tháng 8/2018 thì giữa anh P và chị V bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không chung sống hòa hợp, chị V không chung thủy, có mối quan hệ khác ở bên ngoài, hai người đã không chung sống từ tháng 8/2018. Khi xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau trong lúc giận anh P cũng có tát chị V mấy cái chứ không đánh đập gây thương tích gì, nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh P đồng ý.

Về con chung: Anh P và chị V có 01 con chung là cháu Hoàng Minh Ph, sinh ngày 25/11/2011, anh P đồng ý giao con chung cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P xác định không có việc làm ổn định, thu nhập lúc có, lúc không nên không đủ điều kiện cấp dưỡng, không đồng ý việc cấp dưỡng dù chị V có yêu cầu mức cấp dưỡng là bao nhiêu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hỏi ý kiến con chung ngày 18/7/2019, cháu Ph trình bày cháu hiện sắp học lớp 3, cháu đang ở với chị V và cháu muốn được ở với chị V.

Tại phiên toà chị V giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P, giải quyết về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân P trình bày ý kiến tương tự các ý kiến như đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh P.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Đề nghị căn cứ quy định của pháp luật để chấp nhận yêu cầu của chị V để buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, số tiền cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị V và anh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2009, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống không hòa thuận, thường xuyên mẫu thuẫn, cãi vã do khác biệt về tính cách, quan điểm sống, đã không chung sống với nhau từ tháng 8/2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do vậy, chị V yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh P có 01 người con chung là Hoàng Minh Ph, sinh ngày 25/11/2011, do chị V và anh P chưa đăng ký kết hôn nên cháu Ph mang họ mẹ, anh P và chị V đều thừa nhận cháu Ph là con chung. Hiện nay, cháu Ph do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ph cũng có nguyện vọng được ở với chị V, anh P cũng

đồng ý giao con chung cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh P cho rằng hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có công việc làm ổn định, thu nhập lúc có, lúc không nên không đủ điều kiện cấp dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng dù chị V có yêu cầu mức cấp dưỡng là bao nhiêu. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Ph chưa đủ tuổi thành niên, anh P không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng lại không đồng ý cấp dưỡng là không có căn cứ. Bởi lẽ, cháu Ph là con chung của chị V và anh P, nên anh P phải có nghĩa vụ cùng chung sức nuôi dưỡng, đảm bảo con được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một cách tốt nhất để con chung có thể phát triển một cách tốt nhất cả về thể chất và tinh thần và đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con, mặt khác anh P đang trong độ tuổi lao động, anh P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh không có khả năng cấp dưỡng, nên cần buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng là phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao thì mức cấp dưỡng không dưới ½ (một phần hai) tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, điều 107, 110, 116, 117, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014252 ngày 08/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

Buộc bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 58; khoản 1, 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Xuân P.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Minh Ph, sinh ngày 25/11/2011 cho chị Hoàng Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Hoàng Minh Ph, sinh ngày 25/11/2011 mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Xuân P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* chị V đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014252 ngày 08/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Xuân P phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Vân